

KẾ HOẠCH

Xét tuyển viên chức Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Quảng Bình *(Hoàn chỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ)*

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1. Căn cứ pháp lý:

Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010.

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ về việc Sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng, Y sĩ.

Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y.

Thông tư số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng.

Thông tư 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

Thông tư 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Sở Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức.

Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ thông tin và truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

Công văn số 3755/BGDĐT-GDTH ngày 3/8/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 6089/BGDĐT-GDTH ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2374/SGDĐT-TCCB ngày 18/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ.

Quyết định số 43/QĐ-SNV ngày 10/03/2020 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Quyết định số 249/QĐ-SNV ngày 31/12/2019 của Sở Nội vụ về việc giao biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/NĐ-CP của Chính phủ năm 2020.

Quyết định số 124/QĐ-SYT ngày 26/02/2020 của Sở Y tế về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2018 - 2021.

Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Công văn số 927/SNV-CCVC ngày 13/7/2018 của Sở Nội vụ về việc tăng cường công tác tuyển dụng viên chức.

Căn cứ Kế hoạch số 636/KH-SYT ngày 25/3/2020 của Sở Y tế về việc xét tuyển viên chức Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Quảng Bình, đã được thẩm định tại Công văn số 387/SNV-CBCCVC ngày 31/3/2020 của Sở Nội vụ về việc thẩm định Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2020 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền trực thuộc Sở Y tế.

Căn cứ các văn bản quy định hiện hành về xét tuyển viên chức.

2. Căn cứ thực tiễn:

Căn cứ tình hình biên chế; vị trí việc làm; cơ cấu chức danh, cơ cấu bộ phận và khả năng tài chính của Bệnh viện Y Dược cổ truyền.

Theo đề xuất của Bệnh viện Y Dược cổ truyền về việc đăng ký chỉ tiêu xét tuyển viên chức sự nghiệp và viên chức tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên năm 2020 tại Tờ trình số 110/TTr-YDCT ngày 20/3/2020.

II. Nội dung kế hoạch

1. Chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng:

- **Chỉ tiêu tuyển dụng:** 13. Trong đó:

+ Viên chức sự nghiệp: 03 chỉ tiêu.

+ Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 10 chỉ tiêu.

Cụ thể: *Có phụ lục số 1 đính kèm*

- **Hình thức tuyển dụng:** Xét tuyển.

2. Vị trí việc làm cần xét tuyển: 13 vị trí

- Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các vị trí đăng ký dự tuyển: *(Có biểu phụ lục số 2 đính kèm).*

- Trình độ ngoại ngữ tương đương khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại kế hoạch này như sau:

+ Đối với trình độ A, B, C theo Quyết định 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trình độ A1, A2, B1, B2, C1, C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Việc xác định trình độ ngoại ngữ tương đương khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC. Chứng chỉ A, B, C phải được cấp trước ngày 15/01/2020.

+ Đối với các trình độ ngoại ngữ khác (TOEFL, IELTS, TOEIC...) được pháp luật Việt Nam công nhận: Việc xác định trình độ ngoại ngữ tương đương khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy đổi hoặc xác nhận tương đương của cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền.

3. Nội dung xét tuyển

3.1. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét tuyển

- Người đăng ký xét tuyển viên chức phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí cần tuyển và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức và điều kiện của đơn vị đăng ký dự tuyển:

- + Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- + Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- + Có đơn đăng ký dự tuyển;
- + Có lý lịch rõ ràng;
- + Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- + Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Những người sau đây không thuộc đối tượng đăng ký xét tuyển viên chức:
 - + Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - + Đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Phiếu đăng ký dự tuyển và Hồ sơ dự tuyển:

3.1. Thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo thời hạn quy định. Mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ. *(Có mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển kèm theo)*

3.2. Hồ sơ dự tuyển:

Hồ sơ dự tuyển viên chức nộp hoàn thiện tại Sở Y tế sau khi có thông báo kết quả trúng tuyển. Thành phần hồ sơ như sau:

- + Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp văn bằng do

cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện được cấp chứng nhận sức khỏe theo quy định hiện hành;

+ Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

* Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ưu tiên và giấy tờ khác phải kèm theo bản chính để đối chiếu theo quy định.

- Số lượng hồ sơ dự tuyển: 01 bộ hồ sơ/ thí sinh dự tuyển

- Hồ sơ dự tuyển được đựng trong phong bì cỡ 22cmx32cm

3.3. Quy định đăng ký nguyện vọng dự tuyển.

Một thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển tại một vị trí việc làm.

3.4. Lệ phí đăng ký xét tuyển:

Theo quy định Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xét tuyển, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

3.5. Thời gian, thời hạn và địa điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển:

- Thời gian dự kiến: Quý II và Quý III năm 2020

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo xét tuyển công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức tại Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của Sở Y tế hoặc gửi theo đường bưu chính. Vào lúc 17h00 của ngày cuối cùng trong thời hạn thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển lập biên bản tổng hợp số lượng Phiếu đăng ký dự tuyển qua nhận trực tiếp và đường bưu chính. (Đối với Phiếu đăng ký dự tuyển nộp qua đường bưu chính: Thời gian nộp Phiếu đăng ký dự tuyển là thời gian trên dấu tiếp nhận văn bản đến của Văn thư Sở Y tế).

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Sở Y tế tỉnh Quảng Bình (Địa chỉ: Số 2, đường Hồ Xuân Hương, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình).

3.6. Nội dung và hình thức xét tuyển viên chức

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

3.6.1. Vòng 1

Hội đồng xét tuyển kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, phải thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2; thông báo phải nêu cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức phỏng vấn.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức xét vòng 2.

3.6.2. Vòng 2

a) Thực hiện kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3.7. Nội dung ôn tập để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 của kỳ xét tuyển.

Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, phải thông báo cụ thể nội dung ôn tập cho thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 2.

Căn cứ tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, Hội đồng xét tuyển quyết định nội dung ôn tập cụ thể của từng vị trí dự tuyển và thông báo bằng văn bản đến người dự tuyển theo quy định.

3.8. Xác định người trúng tuyển.

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm phỏng vấn quy định vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được xét tuyển của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn quy định tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP bằng nhau ở

chỉ tiêu cuối cùng cần xét tuyển thì người có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tuyển viên chức quyết định người trúng tuyển.

c) Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo quy định.

d) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

3.9. Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển viên chức:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.

3.10. Hội đồng xét tuyển

- Hội đồng xét tuyển được thành lập theo quy định Khoản 2 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ về xét tuyển, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

- Hội đồng xét tuyển làm việc theo nguyên tắc, nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

3.11. Các nội dung khác

Thực hiện các nội dung khác của quy trình xét tuyển viên chức theo các văn bản quy định hiện hành.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sau 10 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch này, nếu Sở Nội vụ không có ý kiến thì Sở Y tế thực hiện hoàn chỉnh kế hoạch xét tuyển và đăng tải thông báo xét tuyển 01 lần trên Báo Quảng Bình; đăng tải trên Trang thông tin điện tử Quảng Bình và Trang thông tin điện tử Sở Y tế Quảng Bình; niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở Y tế và triển khai quy trình xét tuyển viên chức theo quy định.

2. Thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong thời hạn 30 ngày.

3. Thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức, Ban Giám sát theo quy định. Hội đồng xét tuyển được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Y tế trong các hoạt động của Hội đồng. Ban Giám sát được sử dụng con dấu của Sở Y tế trong các hoạt động của Ban Giám sát.

4. Hội đồng xét tuyển viên chức triển khai thực hiện xét tuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt, Luật viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

5. Hội đồng xét tuyển viên chức trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt kết quả xét tuyển sau khi kết thúc công tác phỏng vấn tại vòng 2 theo thời gian quy định.

6. Giám đốc Bệnh viện Y Dược cổ truyền căn cứ quyết định phê duyệt kết quả xét tuyển của Sở Y tế để thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ và ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch xét tuyển viên chức thuộc Bệnh viện Y Dược cổ truyền, các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Cường

PHỤ LỤC 1
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
TẠI BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN TỈNH QUẢNG BÌNH (ĐẾN THỜI ĐIỂM 20/3/2020)

Biên chế được giao			Viên chức hiện có			Biên chế được giao chưa tuyển dụng			Chỉ tiêu xét tuyển viên chức			Ghi chú
Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
	Biên chế sự nghiệp	BCSN hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		Viên chức sự nghiệp	Viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		Biên chế sự nghiệp	BCSN hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		Biên chế sự nghiệp	BCSN hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	
105	66	39	87	63	24	18	03	15	13	03	10	

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHỈ TIÊU
XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TẠI BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
I	VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP					
X.1	Bác sĩ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ khoa Khám bệnh đa khoa	Đại học, ngành Bác sĩ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.2	Viên chức hành chính, mã số 01.003	01	Tổ chức nhân sự thuộc Phòng Tổ chức cán bộ (Làm công tác thống kê BHYT, BHXH, thi đua khen thưởng)	Đại học trở lên, các ngành Luật, Kinh tế, Kế toán, Quản trị nhân lực	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X3	Bác sĩ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ khoa Châm cứu - Phục hồi chức năng	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
II	VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP					
X.4	Bác sĩ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ khoa Khám bệnh đa khoa	Đại học, ngành Bác sĩ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.5	Bác sĩ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ khoa Ngoại - Phụ	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.6	Bác sĩ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ khoa Nội Tổng hợp	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.7	Y tế công cộng (hạng III), mã số V.08.04.10	01	Quản lý chất lượng thuộc Phòng Kế hoạch Tổng hợp	Đại học trở lên, ngành Y tế công cộng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.8	Kế toán viên, mã số 06.031	01	Kế toán thu viện phí thuộc Phòng Tài chính Kế toán	Đại học trở lên, các ngành Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.9	Kế toán viên, mã số 06.031	01	Tài chính kế toán thuộc Phòng Tài chính Kế toán	Đại học trở lên, các ngành Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.10	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ khoa Ngoại - Phụ	Y sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ đa khoa có chứng chỉ y học cổ truyền, Y sĩ định hướng y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X.11	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X.12	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Khám bệnh đa khoa	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.13	Kỹ thuật y (hạng IV), mã số V.08.07.19	01	Kỹ thuật y khoa Châm cứu - Phục hồi chức năng	Cao đẳng trở lên, ngành Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên

(Gồm có 13 chỉ tiêu/13 vị trí việc làm)

PHỤ LỤC 3
CƠ CẤU VIÊN CHỨC TẠI BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN QUẢNG BÌNH

I. TỔNG HỢP TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN TẠI CÁC KHOA, PHÒNG

T T	Khoa, phòng	Số lượng viên chức hiện có													Số lượng viên chức dự kiến sau khi tuyển dụng																
		Tổng	Bác sĩ	Điều dưỡng	Kỹ thuật y			Y sĩ	Dược sĩ đại học	Dược TC, CD	Công nghệ thông tin	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Quản lý chất lượng	Hộ lý	Khác	Tổng	Bác sĩ	Điều dưỡng	Kỹ thuật y			Y sĩ	Dược sĩ đại học	Dược TC, CD	Công nghệ thông tin	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Quản lý chất lượng	Hộ lý	Khác
					Xét nghiệm	Hình ảnh	VLTL&PHCN													Xét nghiệm	Hình ảnh	VLTL&PHCN									
QUẢN LÝ, HÀNH CHÍNH		14	3	1	0	0	0	0	0	1	1	5	0	0	0	3	18	3	1	0	0	0	0	0	1	1	7	1	1	0	3
1	Ban Giám đốc	2	2													2	2														
2	Phòng Tổ chức Cán bộ	1										1				2										1	1				
3	Phòng Tài chính Kế toán	4										3			1	6										5					1
4	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	3	1							1	1					4	1							1	1			1			
5	Phòng Hành chính Quản trị	3										1			2	3										1					2
6	Phòng Điều dưỡng	1		1												1		1													
LÂM SÀNG		52	22	25	0	0	2	3	0	0	0	0			0	0	60	27	26	0	0	3	4	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Khoa Khám bệnh Đa khoa	8	3	4				1								11	5	5				1									
2	Khoa Châm cứu - Phục hồi chức năng	19	8	8			2	1								21	9	8			3	1									
3	Khoa Nội Tổng hợp	13	5	8												14	6	8													
4	Khoa Ngoại - Phụ	12	6	5				1								14	7	5				2									

		Số lượng viên chức hiện có														Số lượng viên chức dự kiến sau khi tuyển dụng																
		Tổng	Bác sĩ	Điều dưỡng				Y sĩ	Dược sĩ đại học	Dược TC, CĐ	Công nghệ thông tin	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Quản lý chất lượng	Hộ lý	Khác	Tổng	Bác sĩ	Điều dưỡng				Y sĩ	Dược sĩ đại học	Dược TC, CĐ	Công nghệ thông tin	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Quản lý chất lượng	Hộ lý	Khác	
					Xét nghiệm	Hình ảnh	VLTL&PHCN													Xét nghiệm	Hình ảnh	VLTL&PHCN										
CẬN LÂM SÀNG		21	1	0	3	1	0	1	4	8	0	0	0	0	3	0	22	1	1	3	1	0	1	4	8	0	0	0	0	0	3	0
1	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	5	1		3	1											6	1	1	3	1											
2	Khoa Dược	11							3	8							11							3	8							
3	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	5						1	1						3		5					1	1							3		
TỔNG CỘNG		87	26	26	3	1	2	4	4	9	1	5	0	0	3	3	100	31	28	3	1	3	5	4	9	1	7	1	1	3	3	

II. CƠ CẤU THEO THÔNG TƯ SỐ 08/2007/TTLT-BYT-BNV

T T	Cơ cấu	Tỷ lệ quy định tại Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV	Tỷ lệ hiện có	Tỷ lệ sau khi tuyển dụng	Ghi chú
A	Cơ cấu bộ phận				
1	Lâm sàng	60 - 65%	52/87 (59,77%)	60/100 (60,0%)	
2	Cận lâm sàng	22 - 15%	21/87 (24,14%)	22/100 (22,0%)	
3	Quản lý, hành chính	18 - 20%	14/87 (16,09%)	18/100 (18,0%)	
B	Cơ cấu chuyên môn				
1	Bác sĩ/ chuyên môn y tế khác (điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y)	1/3 - 1/3,5	26/32 (1/1,23)	31/35 (1/1,13)	
2	Dược sĩ đại học/ Bác sĩ	1/8 - 1/15	4/26 (1/6,5)	4/31 (1/7,75)	
3	Dược sĩ đại học/ Dược sĩ Cao đẳng, Trung cấp	1/2 - 1/2,5	4/9 (1/2,25)	4/9 (1/2,25)	

PHỤ LỤC 4
PHÂN BỐ VIÊN CHỨC THEO ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM

TT	Vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp tương ứng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án vị trí việc làm					Tổng số viên chức hiện có (tính đến 20/3/2020)				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
I	Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành			37			33	4	19	0	0	16	3
1	Vị trí cấp trưởng đơn vị			1				1	1	0	0	0	1
1.1	Giám đốc	Giám đốc	Bác sĩ chính	1				1					1
2	Vị trí cấp phó đơn vị			3			3		1	0	0	0	1
2.1	Phó Giám đốc	Phó giám đốc	Bác sĩ hoặc tương đương, bác sĩ chính hoặc tương đương	3			3		1				1
3	Vị trí cấp trưởng các khoa, phòng			13			13		7			6	1
3.1	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương, chuyên viên chính hoặc tương đương	1			1		1			1	
3.2	Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp	Trưởng phòng	Bác sĩ, bác sĩ chính	1			1		0			0	
3.3	Trưởng phòng Điều dưỡng	Trưởng phòng	Điều dưỡng	1			1		0			0	

TT	Vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp tương ứng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án vị trí việc làm					Tổng số viên chức hiện có (tính đến 20/3/2020)				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
3.4	Trưởng phòng Tài chính kế toán	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương, chuyên viên chính hoặc tương đương	1			1		1			1	
3.5	Trưởng phòng Hành chính quản trị	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương, chuyên viên chính hoặc tương đương	1			1		1			1	
3.6	Trưởng khoa khám bệnh Đa khoa	Trưởng khoa	Bác sĩ, bác sĩ chính	1			1		0			0	
3.7	Trưởng khoa Ngoại - Phụ	Trưởng khoa	Bác sĩ, bác sĩ chính	1			1		1				1
3.8	Trưởng khoa Nội Tổng hợp	Trưởng khoa	Bác sĩ, bác sĩ chính	1			1		1			1	
3.9	Trưởng khoa Châm cứu - Phục hồi chức năng	Trưởng khoa	Bác sĩ, bác sĩ chính	1			1		1			1	
3.10	Trưởng khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương, bác sĩ chính hoặc tương đương	1			1		0			0	
3.11	Trưởng khoa Dược	Trưởng khoa	Dược sĩ hoặc Dược sĩ chính	1			1		1			1	
3.12	Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Trưởng khoa	Dược sĩ hoặc tương đương, Dược sĩ chính hoặc tương đương	1			1		0			0	
3.13	Trưởng khoa Dinh dưỡng	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương, bác sĩ chính hoặc tương đương	1			1		0			0	
4	Vị trí cấp phó các khoa, phòng			13			13		7			7	
4.1	Phó trưởng Phòng Tổ chức cán bộ	Phó trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		0				

TT	Vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp tương ứng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án vị trí việc làm					Tổng số viên chức hiện có (tính đến 20/3/2020)				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
4.2	Phó trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp	Phó trưởng phòng	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
4.3	Phó trưởng Phòng Điều dưỡng	Phó trưởng phòng	Điều dưỡng	1			1		1			1	
4.4	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán	Phó trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		0			0	
4.5	Phó trưởng Phòng Hành chính quản trị	Phó trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		0			0	
4.6	Phó trưởng khoa Khám bệnh Đa khoa	Phó trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
4.7	Phó trưởng Khoa Ngoại - Phụ	Phó trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		0			0	
4.8	Phó trưởng Khoa Nội Tổng hợp	Phó trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		0				
4.9	Phó trưởng khoa Châm cứu - Phục hồi chức năng	Phó trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
4.10	Phó trưởng Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Phó trưởng khoa	Kỹ thuật Y hoặc tương đương	1			1		1			1	
4.11	Phó trưởng Khoa Dược	Phó trưởng khoa	Dược sĩ	1			1		1			1	
4.12	Phó trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Phó trưởng khoa	Bác sỹ, Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1		1			1	
4.13	Phó trưởng Khoa Dinh dưỡng	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		0			0	
5	Vị trí điều dưỡng, kỹ thuật viên trưởng khoa			7			7		3			3	
5.1	Điều dưỡng trưởng khoa Khám bệnh Đa khoa	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		1			1	

TT	Vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp tương ứng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án vị trí việc làm					Tổng số viên chức hiện có (tính đến 20/3/2020)				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
5.2	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại - Phụ	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		1			1	
5.3	Điều dưỡng trưởng khoa Nội Tổng hợp	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		1			1	
5.4	Điều dưỡng trưởng khoa Châm cứu - PHCN	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		0			0	
5.5	Điều dưỡng trưởng khoa Dinh dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		0			0	
5.6	Điều dưỡng trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng	1			1		0			0	
5.7	KTV trưởng khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	KTV trưởng khoa	Kỹ thuật Y	1			1		0			0	
II	Vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp			94		56	38		57	0	38	19	
1	Khoa Ngoại - Phụ			19	0	10	9		10		5	5	
1.1	Bác sĩ		Bác sĩ	7			7		5			5	
1.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	10		8	2		4		4		
1.3	Y sĩ		Y sĩ	2		2			1		1		
2	Khoa Nội Tổng hợp			14	0	7	7		11		7	4	0
2.1	Bác sĩ		Bác sĩ	5			5		4			4	
2.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	9		7	2		7		7		
3	Khoa Khám bệnh Đa khoa			14	0	8	6		6		4	2	0

TT	Vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp tương ứng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án vị trí việc làm					Tổng số viên chức hiện có (tính đến 20/3/2020)				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
3.1	Bác sĩ		Bác sĩ	4			4		2			2	
3.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	9		7	2		3		3		
3.3	Y sĩ		Y sĩ	1		1			1		1		
4	Khoa Châm cứu - Phục hồi chức năng			29	0	18	11		17		11	6	
4.1	Bác sĩ		Bác sĩ	7			7		6			6	
4.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	14		10	4		8		8		
4.3	Kỹ thuật y		Kỹ thuật y	7		7			2		2		
4.4	Y sĩ		Y sĩ	1		1			1		1		
5	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh			8	0	5	3		4		3	1	0
5.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1	
5.2	Kỹ thuật y		Kỹ thuật y	6		4	2		3		3		
5.3	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			0		0		
6	Khoa Dược			10	0	8	2		9	0	8	1	
6.1	Dược		Dược sĩ	10		8	2		9		8	1	
III	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ			41	17	14	10		11	4	5	2	
1	Phòng Tổ chức cán bộ			3	0	2	1		0	0	0	0	

TT	Vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp tương ứng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án vị trí việc làm					Tổng số viên chức hiện có (tính đến 20/3/2020)				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
1.1	Tổ chức nhân sự		Cán sự hoặc tương đương, Chuyên viên hoặc tương đương	2		1	1		0		0		
1.2	Công tác xã hội		Nhân viên CTXH trở lên	1		1			0		0		
2	Phòng Hành chính quản trị			7	6	1	0		2	1	1	0	
2.1	Văn thư		Cán sự hoặc tương đương	1		1			1		1		
2.2	Sửa chữa điện nước		Nhân viên	1	1				0				
2.3	Lái xe		Nhân viên	1	1				1	1			
2.4	Bảo vệ		Nhân viên	2	2				0				
2.5	Tạp vụ		Nhân viên	1	1				0				
2.6	Vệ sinh, chăm sóc bảo vệ cảnh quan đơn vị		Nhân viên	1	1				0				
3	Phòng Kế hoạch tổng hợp			5	0	1	4		2	0	2	0	
3.1	Kế hoạch tổng hợp		Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		1		1		
3.2	Chỉ đạo tuyến		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		0		0		
3.3	Quản lý chất lượng		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		0		0		
3.4	Công nghệ thông tin		Quản trị viên hệ thống	2		1	1		1		1		
4	Phòng Tài chính kế toán			6	0	1	5		3		1	2	

TT	Vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp tương ứng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc cần thiết đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại Đề án vị trí việc làm					Tổng số viên chức hiện có (tính đến 20/3/2020)				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
4.1	Tài chính kế toán		Kế toán viên	1			1		0			0	
4.2	Kế toán thu viện phí		Kế toán viên	2			2		1			1	
4.3	Kế toán vật tư, thanh toán, tài sản, tổng hợp, kế toán lương		Kế toán viên	2			2		1			1	
4.4	Thủ quỹ		Kế toán trung cấp hoặc tương đương	1		1			1		1		
5	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn			8	7	1	0		4	3	1		
5.1	Kiểm soát nhiễm khuẩn		Điều dưỡng, Y sĩ hoặc tương đương	1		1			1		1		
5.2	Hộ lý		Nhân viên	7	7				3	3			
6	Khoa Dinh dưỡng			4	0	0	0		0				
6.1	Nấu ăn tập thể		Nhân viên	4	4				0				
7	Phòng Điều dưỡng			2	2	2	2		0		0	0	
7.1	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2							
8	Nhân viên hỗ trợ công tác hành chính các khoa		Điều dưỡng trung cấp hoặc tương đương	6	0	6	0		0				
Tổng số				172	17	70	81	4	87	4	43	37	3

PHỤ LỤC 5. KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH CỦA BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN TỈNH QUẢNG BÌNH

TT	Đơn vị	Báo cáo khả năng tài chính (Đ/v tính: Triệu đồng)														
		Ngân sách cấp					Thu sự nghiệp					Phần được trích lại từ nguồn thu để chi cho hoạt động (*)				
		2018	2019	2020	KH 2022	KH 2022	2018	2019	2020	KH 2022	KH 2022	2018	2019	2020	KH 2022	KH 2022
1	Bệnh viện Y Dược cổ truyền	3.912	3.052	3.052	3.052	3.052	15.300	15.000	15.000	15.000	15.000	3.517	7.017	8.494	9.000	9.000

(*) chi trả tất cả các khoản cho người lao động, viên chức sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

(Dán ảnh 4x6)
(3)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí dự tuyển⁽¹⁾:

Đơn vị dự tuyển⁽²⁾:

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:..... Nam ☐ Nữ ☐
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Dân tộc:..... Tôn giáo:.....
Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân..... Ngày cấp:.....
Nơi cấp:.....
Số điện thoại di động để báo tin:.....
Email:.....
Quê quán:.....
Hộ khẩu thường trú:.....
Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....
Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng:..... kg
Thành phần bản thân hiện nay:.....
Trình độ văn hóa:.....
Trình độ chuyên môn:
Loại hình đào tạo:.....

II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

III. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

IV. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ:

V. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.